

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
3.3. Sản phẩm cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng.....	9
4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	9
4.2. Nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	10
5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng.....	10
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	15
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải	16
1.3. Xử lý nước thải.....	18
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	21
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	22
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	23
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	24

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	24
6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ.....	24
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu.....	25
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	29
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	29
1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	29
1.3. Phương thức xả nước thải	30
1.4. Chế độ xả nước thải.....	30
1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả và nguồn nước tiếp nhận	30
2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải.....	32
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung.....	32
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	33
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	33
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	34
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	34
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	34
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	34
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	35
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	36
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	37
PHỤ LỤC BÁO CÁO	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BCT	Bộ Công thương
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CTR	Chất thải rắn
7	ND-CP	Nghị định Chính phủ
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
11	UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Bảng 1.1. Công suất Cửa hàng 03 và cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3	6
Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục của cơ sở.....	10
Bảng 3.1. Lưu lượng nước mưa chảy qua khu vực nhiễm dầu mỡ phát sinh	17
Bảng 3.2. Thống kê chất thải nguy hại	23
Bảng 3.3. Thống kê ctnh tại Garage Phú Thái.....	24
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận	31
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.....	31
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất	32
Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2022, 2023	33
Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng.....	7
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập gas của Cửa hàng	7
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ của cơ sở Vá lốp Thành Nhân	8
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ của cơ sở Garage ô tô Phú Thái	8

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Địa chỉ văn phòng: số 02 Lê Lợi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Đức Hùng - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.
- Điện thoại: 0233.3557.868.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200041048 đăng ký lần đầu ngày 13/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00007 cấp lần đầu ngày 06/7/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 18/GCNĐDK-SCT cấp lần thứ 2 ngày 20/3/2023 do Sở Công thương tỉnh Quảng Trị cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3
- Địa điểm cơ sở: số 157 Lý Thường Kiệt, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 1441/GXN-UBND ngày 19/07/2018 của UBND thành phố Đông Hà.
- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Garage ô tô Phú Thái theo Giấy xác nhận số 849/GXN-UBND ngày 20/6/2016 của UBND thành phố Đông Hà.
- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Quy mô của cơ sở Cửa hàng xăng dầu và Vá lốp ô tô Thành Nhân (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 2.428.779.698 đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công năm 2019, cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C.
- Quy mô của cơ sở Garage ô tô Phú Thái (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 628.176.980 đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công năm 2019,

cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C.

- Cơ sở (bao gồm Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3; Vá lốp Thành Nhân và Garage ô tô Phú Thái) có tiêu chí môi trường là Cơ sở thuộc mục số 2, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 có tổng diện tích là 7.070 m² với sức chứa xăng dầu bao gồm 05 bể chìm với tổng dung tích 125 m³ (01 bể chứa dầu DO 0,05S-II 25 m³; 01 bể chứa dầu DO 0,001S-V 25 m³; 01 bể chứa xăng E5-RON92-II 25 m³ và 02 bể chứa xăng RON95-III 25 m³); có 09 cột bơm (13 vòi bơm).

+ Cấp cửa hàng: Cửa hàng cấp 2.

+ Công suất hoạt động tại bảng 1.1:

Bảng 1.1. Công suất Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3

TT	Loại sản phẩm	Số lượng (1 tháng)
1	Xăng	360 m ³
2	Dầu	120 m ³
3	Dầu nhờn	0,2 m ³
4	Gas	12 tấn

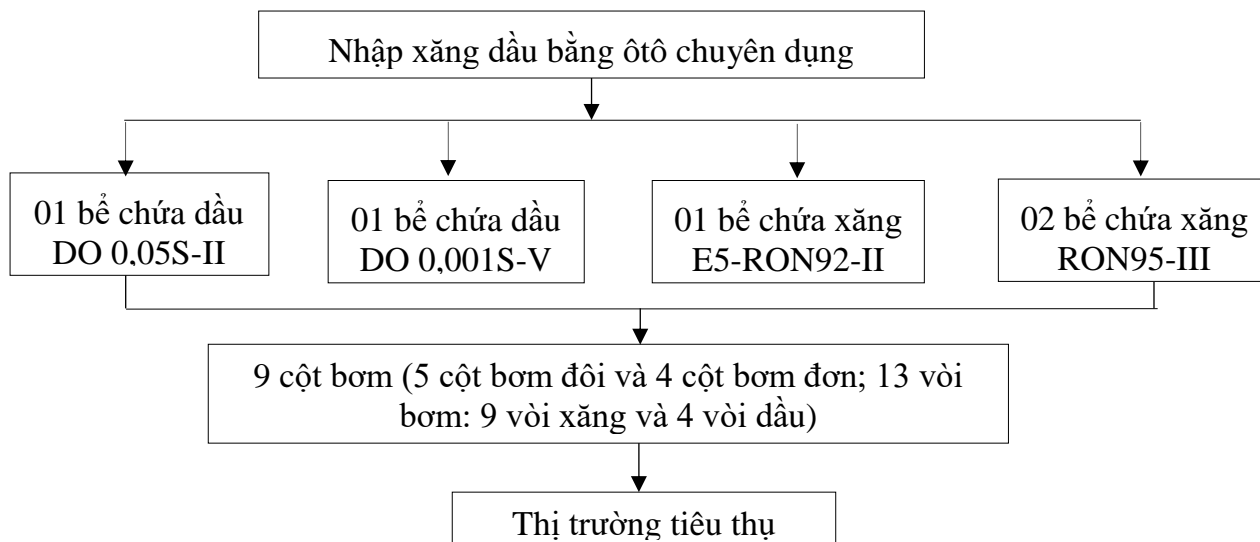
- Đối với 02 cơ sở thuê mặt bằng nằm trong diện tích của Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3:

+ Vá lốp ô tô Thành Nhân có diện tích 129 m² với loại hình hoạt động chủ yếu là bơm và vá lốp xe ô tô với công suất khoảng 3-4 chiếc/ngày.

+ Garage ô tô Phú Thái có diện tích 422 m² với loại hình hoạt động chủ yếu là bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (loại 12 chỗ trở xuống) với công suất khoảng 5-7 chiếc /ngày và bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng được thể hiện ở hình 1.1:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng

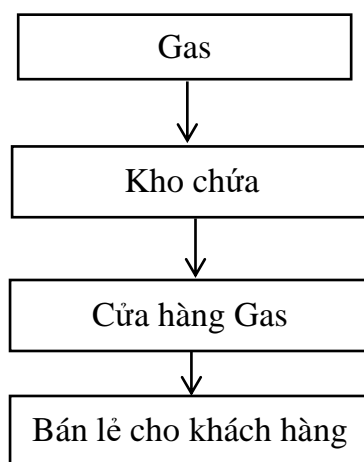
Thuyết minh quy trình:

Cửa hàng nhập xăng dầu từ kho chứa xăng dầu tại Công ty xăng dầu Khu vực V – Đà Nẵng, vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng về tại Cửa hàng, tại đây xăng dầu được nhập và lưu chứa tại 5 bể chứa có tổng thể tích 125 m³ (03 bể chứa xăng, 02 bể chứa dầu). Sau đó xăng dầu được bơm theo hệ thống ống dẫn đến 09 cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt để xuất bán xăng dầu.

Toàn bộ các đường ống xuất xăng dầu ra cột bơm được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh thoát kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng dầu ra đúng vị trí các cột bơm.

Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van hở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

Quy trình xuất nhập Gas của Cửa hàng được thể hiện ở hình 1.2:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập Gas của Cửa hàng

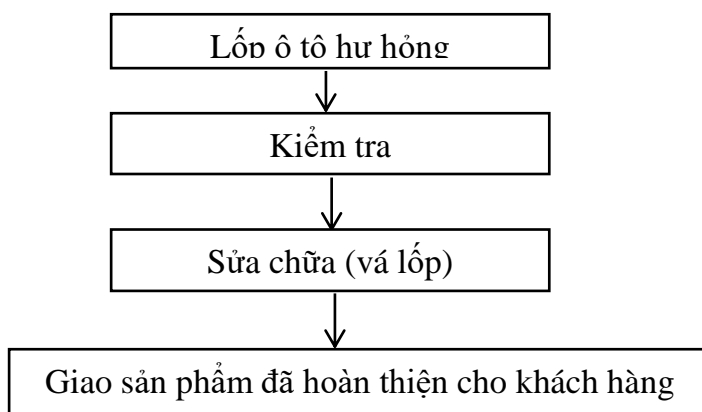
Chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị Trang 7

Thuyết minh quy trình:

Gas được lấy tại kho chứa Gas khu vực Đà Nẵng và vận chuyển bằng ô tô chuyên dụng đến Cửa hàng và lưu chứa tại kho của khu vực Cửa hàng Gas. Sau đó, mặt hàng Gas các loại sẽ được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn thành phố Đông Hà và các vùng lân cận.

Quy trình vá lốp ô tô ở cơ sở vá lốp Thành Nhân thể hiện ở hình 1.3:

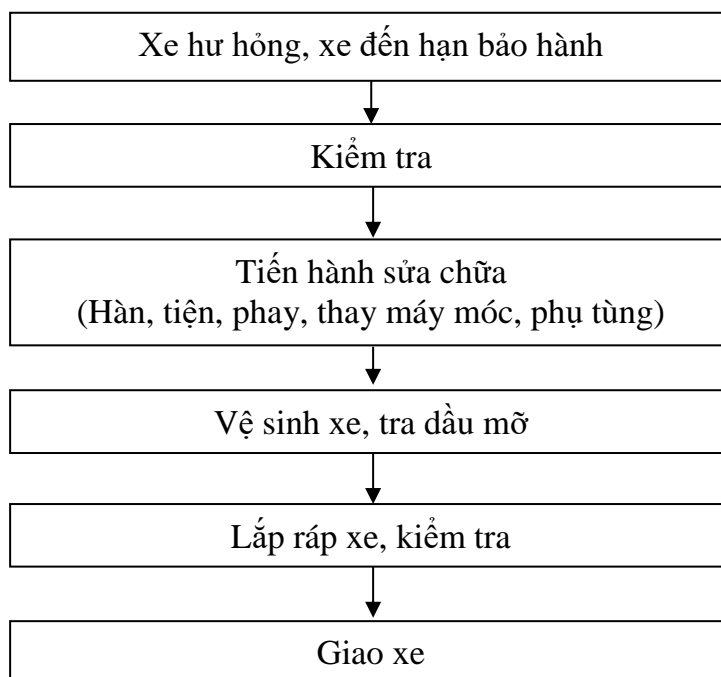


Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ của cơ sở Vá lốp Thành Nhân

Thuyết minh quy trình:

Lốp ô tô hư hỏng sẽ được đưa vào xưởng. Sau khi tiến hành kiểm tra, tùy thuộc vào vị trí, mức độ hư hỏng sẽ tiến hành xử lý vá lốp rồi giao trả sản phẩm cho khách hàng.

Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng của cơ sở Garage ô tô Phú Thái được thể hiện ở hình 1.4:



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ của cơ sở Garage ô tô Phú Thái

Thuyết minh quy trình:

Xe đưa vào xưởng sẽ được kiểm tra, xác định hư hỏng các bộ phận. Sau khi tiến hành kiểm tra, tùy thuộc vào mức độ mà xưởng sẽ tiến hành sửa chữa, thay máy móc, phụ tùng, vô dầu mỡ... Tiếp đến, xe được rửa, vệ sinh trước khi phun sơn (nếu có-chỉ rửa lại vị trí cần sơn, không rửa toàn bộ xe) và vận hành thử đạt yêu cầu rồi giao trả cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở là kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn và Gas với khối lượng trung bình mỗi tháng được thể hiện rõ ở bảng 1.1.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng

4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nguồn nhiên liệu của Cửa hàng được nhập từ Công ty xăng dầu Khu vực V - Đà Nẵng thông qua hệ thống vận chuyển xe bồn chuyên dụng với khối lượng được thể hiện tại bảng 1.1.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở

** Nhu cầu sử dụng điện:*

- Đối với Petrolimex- Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lốp ô tô Thành Nhân: Nguồn cung cấp điện được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực điện áp 380/220V. Điện phục vụ cho các hoạt động bơm xuất hàng, chiếu sáng, sinh hoạt của công nhân là 1.000 kW/tháng.

- Đối với Garage ô tô Phú Thái: Nguồn cung cấp điện được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực điện áp 380/220V. Điện phục vụ cho các hoạt động sửa chữa xe, chiếu sáng, sinh hoạt của công nhân là 3.000 kWh/tháng.

** Nhu cầu sử dụng nước:*

- Nước: Hiện tại cả 03 cơ sở đều sử dụng nguồn nước do Công ty nước sạch Quảng Trị cung cấp để phục vụ cho các hoạt động tại Cơ sở. Theo Hoá đơn sử dụng nước tại Cơ sở thì lượng nước sử dụng lớn nhất là 58 m³/tháng (03/2024) tương đương 1,93 m³/ngày (Hoá đơn thể hiện tại phụ lục báo cáo). Trong đó:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của CBCNV: khoảng 1,44 m³/ngày.

+ Nước dùng cho khoảng 15 khách vắng lại khoảng 0,3 m³/ngày.

+ Nước vệ sinh sân đường, tưới nước giảm bụi khoảng 0,16 m³/ngày.

+ Lượng nước dùng cho sản xuất (xịt rửa bộ phận hư hỏng của xe để sửa chữa): khoảng 0,03 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng

Cơ sở Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 có tổng diện tích 7.070 m² với quy mô các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục của cơ sở

TT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Quy mô
A	Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3		
I	Các hạng mục chính		
1	Nhà bán hàng và Cửa hàng gas dầu mỡ	m ²	260
2	Bể chứa xăng dầu	m ²	98
3	Mái che cột bơm	m ²	893
4	Tổng kho Lý Thường Kiệt	m ²	2.257
5	Nhà kho đặt máy phát điện	m ²	66
II	Các hạng mục phụ trợ		
6	Hệ thống mương thoát nước	m	26
7	Bể chứa cát và cấp nước PCCC	m ²	3
8	Sân bãi bê tông	m ²	1.400 (trong đó diện tích sân bãi có khả năng nhiễm dầu là 320)
9	Sân Tennis	m ²	1.420
III	Hạng mục BVMT		
10	Bể tách dầu	m ²	5
11	Bể chứa CTNH	m ²	2
B	Vá lốp ô tô Thành Nhân (cho thuê)	m ²	129
C	Garage ô tô Phú Thái (cho thuê)	m ²	422
D	Trạm sạc xe điện (cho thuê)	m ²	90
	Tổng:	m²	7.070

- Số lượng CBCNV trong Cửa hàng: 11 người.
- Số lượng khách vãng lai/ngày: 15 người.
- Số lượng CBCNV trong Garage ô tô Phú Thái: 05 người
- Số lượng CBCNV trong Vá lốp ô tô Thành Nhân: 02 người

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu từ Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lốp ô tô Thành Nhân được thu gom vào ống PVCĐ100 rồi thoát vào ô cuối cùng của bể tách dầu, sau đó thoát

ra công thoát nước của tuyến đường Duy Tân.

- Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu từ Garage Phú Thái sẽ chảy tràn theo hướng nghiêng địa hình thoát ra công thoát nước của tuyến đường Lý Thường Kiệt.

b. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi có khả năng nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về 02 bể lắng, lọc dầu (thể tích mỗi bể là 6,8 m³) bố trí tại góc phía Tây Bắc và phía Đông Nam của Cửa hàng. 02 bể này đều có cấu tạo 4 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp có dẫy đan thép. Kích thước của mỗi bể lắng, lọc dầu như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (1,3×1,25×1,6) m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,7×1,25×1,6) m;

+ Ngăn 3: (D×R×C) = (0,7×1,25×1,6) m;

+ Ngăn 4: (D×R×C) = (0,8×1,25×1,6) m.

Nước thải sau khi được xử lý tại 02 bể lắng lọc dầu sẽ thoát ra công thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt và tuyến đường Duy Tân.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

Nước thải tại khu vực này đi qua hệ thống các hố ga lắng cát, cặn dầu mỡ, rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung tuyến đường Lý Thường Kiệt. Kích thước hố ga lắng cát, cặn dầu mỡ như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (4,5×0,65×0,5) m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,25×0,65×0,3) m;

c. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 8 m³. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn vào hố ga có kích thước (0,8×0,8×1) m, sau đó thoát ra công thoát nước thải tuyến đường Duy Tân, định kỳ khoảng 4 - 5 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị thành phố Đông Hà để hút hầm vệ sinh.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 2,6 m³. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ thấm xuống đất khu vực bằng hố thấm có kích thước (1×0,8×1) m, định kỳ khoảng 4 - 5 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị thành phố Đông Hà

Chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị Trang 11

để hút hầm vệ sinh.

** Đối với Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 2,8 m³. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ vào hố ga có kích thước (0,66×0,6×0,8) m, sau đó đầu nối vào bể lắng lọc dầu phía Đông Nam của Cửa hàng xăng dầu bằng ống HDPE D90 rồi thoát ra cống thoát nước thải tuyến đường Duy Tân, định kỳ khoảng 4 - 5 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị thành phố Đông Hà để hút hầm vệ sinh.

d. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

- Đối với CTR thông thường: CTR sinh hoạt của 11 CBCNV, 15 khách vãng lai/ngày và 02 CBCNV của Vá lớp Thành Nhân được thu gom vào 04 thùng chứa rác (03 thùng 120 L đặt tại các vị trí ra vào Cửa hàng và 01 thùng 50 L đặt tại khu vực Vá lớp Thành Nhân) và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị thành phố Đông Hà vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Đối với CTNH hiện đang được thu gom vào 04 thùng chứa 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn được lưu giữ tại bể chứa CTNH có diện tích 2 m² nằm ở góc phía Tây Nam của Cửa hàng và hợp đồng với Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/năm.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

- Đối với CTR thông thường: CTR sinh hoạt của 05 CBCNV của Garage được thu gom vào 03 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 50 L trong khu vực văn phòng. Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Đối với CTNH hiện được thu gom vào 01 thùng với thể tích 120 L có nắp đậy để đựng chất thải ở thể rắn và 01 thùng phuy nhựa loại 220 L có nắp xoáy để đựng chất thải ở thể lỏng. Hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/năm.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Trong đó nêu rõ:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận tổng thể dựa vào hệ sinh thái tự nhiên.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Trong đó nêu rõ:

+ Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đảm bảo tính đàn hồi, đảm bảo năng lực dự trữ, đảm bảo yêu cầu phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ, đảm bảo phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, bảo vệ

nghiêm ngặt diện tích đất chuyên trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và khu bảo tồn thiên nhiên.

- + Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia, địa phương, doanh nghiệp và người dân.

- + Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt hiện đại; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- + Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia bao gồm dự trữ chiến lược (dự trữ quốc gia); dự trữ sản xuất, dự trữ thương mại, vận tải, lưu thông phân phối, đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, môi trường, đảm bảo dự trữ, cung ứng đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy hoạch phát triển Thương mại Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo. Trong đó có nêu rõ:

Xây dựng lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc chuyển đổi cụ thể theo từng giai đoạn cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa đủ điều kiện. Cơ sở Petrolimex - Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 được xây dựng tại số 157 Lý Thường Kiệt, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. với tổng diện tích 7.070 m², mục đích sử dụng đất là đất xây dựng cửa hàng xăng dầu. Khu đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 177709 cho Công ty Xăng dầu Quảng Trị. Như vậy, Cơ sở thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại là đúng mục đích sử dụng đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị công nhận quyền sử dụng đất theo quyết định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp theo quy định.

- Cơ sở thuộc phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu quy định khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài Cửa hàng sẽ giảm 30% do cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu, cụ thể:

- + Khoảng cách đến công trình dân dụng là 3,5 m. Trong đó:

- Khoảng cách từ bể chứa (cổ bể) đến nhà dân gần nhất là khoảng 46 m về phía Đông.

- Khoảng cách từ cột bơm đến nhà dân gần nhất là khoảng 40 m về phía Đông.
- + Khoảng cách đến nơi tập trung đông người là 50 m. Trong đó:
 - Nằm cách Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 khoảng 90 m, 165 m và 215 m về phía Tây Nam lần lượt là trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, trường Tiểu học, THCS & THPT Trung Vương và trụ sở Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.
 - Nằm cách khu vực Cơ sở khoảng 130 m và 650 m về phía Đông Bắc là Tiểu đoàn 19 Bộ đội Biên phòng và Văn phòng công chứng thành phố Đông Hà.

Do đó, khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài Cửa hàng đảm bảo theo quy định.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Mặt khác, quá trình hoạt động đến nay chủ cơ sở đã thực hiện giám sát môi trường hàng năm, qua kết quả quan trắc giám sát vào năm 2022 và 2023 (*thể hiện rõ tại Chương V*) cho thấy kết quả quan trắc nước thải tại Cửa hàng nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định. Điều đó cho thấy, hoạt động của Cửa hàng có tác động không lớn đến môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu từ Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lớp ô tô Thành Nhân được thu gom vào ống PVCĐ100 rồi thoát vào ô cuối cùng của bể tách dầu, sau đó thoát ra cống thoát nước của tuyến đường Duy Tân.

- Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu từ Garage ô tô Phú Thái sẽ chảy tràn theo hướng nghiêng địa hình thoát ra cống thoát nước của tuyến đường Lý Thường Kiệt.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sản xuất:

* Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lớp ô tô Thành Nhân:

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình vệ sinh sân đường trước nhà bán hàng và mái che cột bơm phát sinh khi có nước mưa chảy qua khu vực.

- Thành phần: chứa các chất thải phân dầu mỡ, chất hữu cơ,...

- Tải lượng: Lượng nước chảy tràn trên mặt sân, nước vệ sinh sân bãi phía trước nhà bán hàng được xác định theo công thức (TCVN 7957:2023 - Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi.$$

Trong đó:

q – Cường độ mưa tính toán; Lượng mưa trung bình ngày trong tháng lớn nhất năm 2020 có giá trị 68,8 mm (T10/2020);

F - Diện tích sân bãi bê tông có khả năng nhiễm dầu (m²);

β – Hệ số phân bố mưa. (β = 1,0) tương ứng với diện tích mặt phủ bê tông (diện tích sân bãi < 500 ha);

ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, ψ = 0,75 tương ứng với mặt phủ bê tông.

Trên cơ sở đó, tính toán lượng mưa chảy qua khu vực nhiễm dầu mỡ phát sinh cho từng bể tách dầu như sau:

Bảng 3.1. Lưu lượng nước mưa chảy qua khu vực nhiễm dầu mỡ phát sinh

TT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Lưu lượng Q (m ³ /ngày)
1	Sân bê tông phía Tây Bắc của Cửa hàng xăng dầu	130	6,7
2	Sân bê tông phía Đông Nam của Cửa hàng xăng dầu	190	9,8
3	Mái che cột bơm	893	46
	Tổng:	936	62,5

Nước mưa chảy qua sân bãi có khả năng nhiễm dầu phía Tây Bắc được thu gom theo rãnh thoát nước có chiều dài khoảng 65 m trước mặt Cửa hàng và đưa về bể lắng, lọc dầu nằm ở góc phía Tây Bắc để xử lý trước khi thoát ra cống thoát nước chung dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt.

Nước mưa chảy qua sân bãi có khả năng nhiễm dầu phía Đông Nam được thu gom theo rãnh thoát nước có chiều dài khoảng 26 m và đưa về bể lắng, lọc dầu ở góc phía Đông Nam để xử lý trước khi thoát ra cống thoát nước tuyến đường Duy Tân.

Nước mưa trên mái che cột bơm sẽ được thu gom vào hệ thống sê nô thu nước mái và ống nước PVC chôn ngầm dưới sân bãi, sau đó đầu nối vào rãnh thoát nước dẫn đến 02 bể tách dầu phía Tây Bắc và phía Đông Nam để xử lý rồi thoát ra cống thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt và đường Duy Tân.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình rửa xe (chỉ rửa lại vị trí cần son).
- Thành phần: chứa dầu mỡ, đất cát và dư lượng chất tẩy.
- Tải lượng: khoảng 0,03 m³/ngày.
- Nước thải tại khu vực này đi qua hệ thống các hố ga lắng cát, cặn dầu mỡ, rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung tuyến đường Lý Thường Kiệt.

b. Nước thải sinh hoạt:

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3:*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 11 CBCNV làm việc tại Cửa hàng và khoảng 15 khách vãng lai/ngày.
- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.
- Tải lượng: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,88 m³/ngày.
- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua bể tự hoại 2 ngăn với tổng thể tích 8 m³ để xử lý.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 5 CBCNV làm việc tại Garage.
- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.
- Tải lượng: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,4 m³/ngày.
- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua bể tự hoại 2 ngăn với tổng thể tích 2,8 m³ để xử lý.

** Đối với Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 2 CBCNV làm việc tại Cửa hàng.
- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.
- Tải lượng: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,16 m³/ngày.
- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua bể tự hoại 2 ngăn với tổng thể tích 2,6 m³ để xử lý.

1.3. Xử lý nước thải

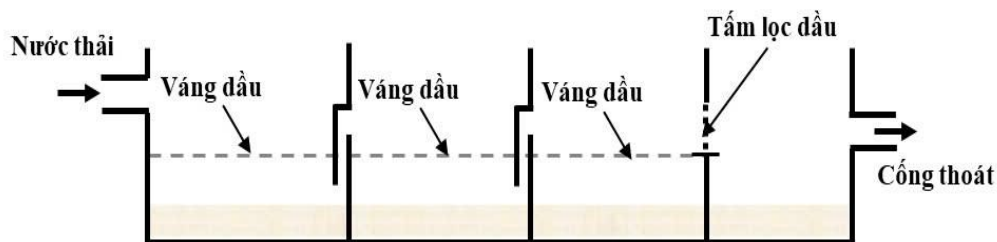
a. Đối với nước thải sản xuất

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

Để xử lý nước mưa chảy tràn trên sân bãi bê tông cuốn theo dầu mỡ thải, chủ cơ sở đã xây dựng 02 bể lắng lọc dầu có kết cấu bằng bê tông, nắp đáy đan thép, đặt góc phía Tây Bắc và Đông Nam của Cửa hàng với kích thước mỗi bể như sau:

- + Ngăn 1: (D×R×C) = (1,3×1,25×1,6) m;
- + Ngăn 2: (D×R×C) = (0,7×1,25×1,6) m;
- + Ngăn 3: (D×R×C) = (0,7×1,25×1,6) m;
- + Ngăn 4: (D×R×C) = (0,8×1,25×1,6) m.

Giữa các ngăn có lắp đặt các ống nước thông các ngăn bể với nhau theo nguyên lý thu nước tràn ở dưới đáy bể. Giữ lại váng dầu mỡ trên bề mặt. Trên bề mặt bể bố trí nắp đan lưới thép để định kỳ nạo vét dầu mỡ và bùn cặn. Sơ đồ cụm bể lắng, lọc dầu như sau:



Nước thải sau khi được tách dầu mỡ, lắng sẽ thoát ra cống thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt và đường Duy Tân. Đối với váng dầu thu gom từ bể lắng,

Chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị

được đưa vào thùng chứa được lưu trữ tại kho chứa CTNH có diện tích 2 m² nằm phía Tây Nam Cửa hàng.

Để đánh giá chất lượng nước thải là nước mưa chảy qua khuôn viên Cửa hàng cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt sau khi qua hệ thống xử lý, báo cáo tiến hành tham khảo kết quả giám sát chất lượng nước thải năm 2022 và năm 2023 do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện, kết quả thể hiện tại bảng 5.1 cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B).

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

Nước thải tại khu vực này đi qua hệ thống các hố lắng cát, cặn dầu mỡ, rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung tuyến đường Lý Thường Kiệt. Kích thước hố lắng cát, cặn dầu mỡ như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (4,5×0,65×0,5) m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,25×0,65×0,3) m;

b. Đối với nước thải sinh hoạt

** Đối với Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3:*

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 11 CBCNV và các khách ra vào Cửa hàng, chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 8 m³ để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$. Trong đó:

W_n : Thể tích phần nước của bể; (m³)

W_c : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m³)

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Q_n : Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m³)

Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,88 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 1,76 \text{ m}^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$ (m³). Trong đó:

a : Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm)

T : Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365$ ngày.

W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1 = 95\%$, $W_2 = 90\%$.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người sử dụng (N = 21 (Bao gồm 11 CBCNV và 15 khách vãng lai)).

$$\Rightarrow Wc = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 25] / [(100 - 90) \times 1.000] = 2,7 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại là $1,76 + 2,7 = 4,5 \text{ m}^3$.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 2 ngăn sẽ dẫn vào hố ga có kích thước (0,8×0,8×1) m, sau đó thoát ra công thoát nước dọc tuyến đường Duy Tân.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 05 CBCNV tại cơ sở, chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 2,8 m³ để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = Wn + Wc$. Trong đó:

Wn: Thể tích phần nước của bể; (m³)

Wc: Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m³)

+ Trị số Wn có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Qn: Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m³)

Ở đây chọn: $Wn = 2Qn = 2 \times 0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 0,8 \text{ m}^3$.

+ Trị số Wc được xác định theo công thức sau:

$Wc = [a \times T \times (100 - W1) \times b \times c] \times N / [(100 - W2) \times 1.000]$ (m³). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm)

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

W₁, W₂: độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: W₁=95%, W₂=90%.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người sử dụng (N = 5 (Bao gồm 05 CBCNV)

$$\Rightarrow Wc = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 5] / [(100 - 90) \times 1.000] = 0,6 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại là $0,8 + 0,6 = 1,4 \text{ m}^3$.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 2 ngăn sẽ thấm trực tiếp xuống đất khu vực bằng hố thấm có kích thước (1×0,8×1) m.

** Đối với Vá lớp ô tô Thành Nhân:*

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 02 CBCNV làm việc tại cơ sở, chủ cơ sở đã

xây dựng bể tự hoại 2 ngăn với thể tích 2,6 m³ để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$. Trong đó:

W_n : Thể tích phần nước của bể; (m³)

W_c : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m³)

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Q_n : Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m³)

Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,16 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 0,32 \text{ m}^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$ (m³). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm)

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1=95\%$, $W_2=90\%$.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người sử dụng (N = 2 (Bao gồm 02 CBCNV).

$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 2] / [(100 - 90) \times 1.000] = 0,25 \text{ m}^3$

Tổng thể tích bể tự hoại là $0,32 + 0,25 = 0,57 \text{ m}^3$.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 2 ngăn rồi dẫn vào hồ ga có kích thước (0,66×0,6×0,8) m, sau đó đầu nối vào bể lắng lọc dầu phía Đông Nam của Cửa hàng xăng dầu bằng ống HDPE D90 rồi thoát ra cống thoát nước thải tuyến đường Duy Tân.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động của cơ sở đã phát sinh ra khí thải, bụi từ hoạt động ra vào Cửa hàng của các phương tiện giao thông. Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân huỷ chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh...

Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay Cửa hàng chưa có sự phản ánh của chính quyền địa phương hay người dân trong khu vực về ảnh hưởng môi trường không khí do hoạt động của Cửa hàng. Điều đó cho thấy, hoạt động của

Cửa hàng tác động không lớn đến CBCNV, người dân trong khu vực.

Nhưng để hạn chế đến mức thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường bên ngoài, cơ sở đã áp dụng có hiệu quả các biện pháp như sau:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống xuất, nhập, hệ thống van thở, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2020/BCT quy chuẩn quốc gia về Cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế.

- Xe để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực cửa hàng.

- Trang bị áo quần, găng tay, khẩu trang cho công nhân lao động.

- Hằng ngày, công nhân của Cửa hàng sẽ tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào Cửa hàng.

- Lắp đặt hệ thống buồng sơn khép kín có khả năng xử lý bụi, mùi hôi từ quá trình phun sơn ở Garage ô tô Phú Thái.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, trang bị áo quần bảo hộ lao động cho công nhân.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lốp ô tô Thành Nhân:*

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 11 CBCNV của Cửa hàng; khoảng 15 khách vắng lai/ngày và 02 CBCNV của Vá lốp ô tô Thành Nhân. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại cửa hàng khoảng 7-10 kg/ngày. Hiện tại Cửa hàng đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 120 L (có phân loại rác theo từng nhóm: Nhóm hữu cơ dễ phân hủy; nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm còn lại) tại khu vực Cửa hàng và 01 thùng rác loại 50 L tại khu vực Vá lốp Thành Nhân. Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/ngày. Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cửa hàng sẽ tiếp tục áp dụng.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 5 CBCNV của Garage. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon,

chai, lọ... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại cửa hàng khoảng 2-3 kg/ngày. Hiện tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 50 L trong khu vực văn phòng để thu gom. Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/ngày. Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cửa hàng sẽ tiếp tục áp dụng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

** Đối với Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lốp ô tô Thành Nhân:*

Theo số liệu tại Biên bản giao nhận CTNH hằng năm tại Cửa hàng do Công ty Cổ phần Xử lý môi trường Nghệ An thu gom với khối lượng cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Thống kê chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng/năm (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	43
2	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	9
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	1
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	1
	Tổng		54

CTNH với khối lượng phát sinh không lớn, tuy nhiên Chủ cơ sở sẽ chấp hành nghiêm ngặt khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo Khoản 6, Điều 35, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và theo dõi lượng CTNH phát sinh tại Cửa hàng.

CTNH được thu gom, phân loại vào 4 thùng với thể tích 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn và chứa tại bể chứa CTNH nằm ở góc phía Tây Nam của Cửa hàng. Bể chứa CTNH có dạng hình hộp chữ nhật có kích thước: (1,4×1,4×0,75) m. Bể có nắp đậy bằng tôn có bản lề.

Toàn bộ CTNH của Cửa hàng được tập kết về bể chứa CTNH và hiện nay Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 đợt/năm (Hợp đồng thể hiện tại phụ lục báo cáo). Biện pháp này đang được sử dụng có hiệu quả tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu của Công

ty xăng dầu Quảng Trị trong đó có Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3, do đó Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện biện pháp xử lý này.

** Đối với Garage ô tô Phú Thái:*

CTNH phát sinh tại Garage bao gồm: Giẻ lau dính dầu, vỏ chai nhớt, dầu nhớt thải,... Thành phần và số lượng cụ thể được thể hiện như sau:

Bảng 3.3. Thống kê CTNH tại Garage ô tô Phú Thái

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng/năm
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	kg	84
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	lít	1.450
3	Bao bì nhựa cứng (vỏ đựng nhớt)	18 01 03	kg	140

CTNH được thu gom, phân loại vào 02 thùng với thể tích 120 L có nắp đậy để đựng chất thải ở thể rắn và 07 thùng phuy nhựa loại 220 L có nắp xoáy để đựng chất thải ở thể lỏng. Hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/năm.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Cửa hàng chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cửa hàng để mua xăng dầu và từ các hoạt động như tháo dỡ linh kiện, gò hàn phục hồi, tạo hình khoan cắt các phụ kiện, nổ động cơ. Do đó, cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào Cửa hàng.
- Yêu cầu các phương tiện ra vào Cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào Cửa hàng.
- Bố trí phân lập các bộ phận gây ồn trong garage cách xa nhau để giảm tác động lan truyền của sóng âm; bố trí tường cách âm giữa các bộ phận.
- Lắp đặt các ô thông gió, vừa làm mát garage vừa hạn chế tích tụ tiếng ồn trong nhà xưởng của Garage ô tô Phú Thái.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cửa hàng đã có Văn bản số 378/NT-PCCC ngày 02/4/2019 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH về việc xác nhận nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy công trình

Mở rộng Cửa hàng xăng dầu số 03 và Cửa hàng dầu nhờn, gas số 03.

- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của Cửa hàng tuân thủ theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu trong phòng chống cháy nổ được bố trí như sau:

+ Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động và đặt trên mặt sân tại nhà bán hàng, nhà để máy phát điện dự phòng, khu bể chứa, nơi bán dầu nhờn, cột bơm xăng dầu... Trong đó, bình chữa cháy MFZT35 loại 35kg có 03 bình, bình chữa cháy MFZ8 có 11 bình. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thuận tiện ở cửa hàng, dễ nhìn thấy cùng với các chèn sợi.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại... ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng, xung quanh vách tường.

- Các bể chứa xăng, dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bệ chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng.

- Bố trí 01 bể chứa nước 1 m³ và 01 bể chứa cát 1 m³ sau bể chứa xăng dầu để đảm bảo phòng cháy chữa cháy.

- Toàn bộ đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng các vị trí cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Thường xuyên diễn tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên Cửa hàng.

6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu

Hiểu rõ đặc thù các hoạt động của mình, Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 luôn coi trọng công tác phòng chống và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra. Công ty đã thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian. Hiện tại cơ sở đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh.

Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó mà Công ty đã trang bị như hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện chiếu sáng của cửa hàng Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và các trang thiết bị UPSCTD như chèn sợi, giấy

Chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị Trang 25

thấm, cát chữa cháy, phao quây để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của Cửa hàng sẽ thông báo với cơ quan chức năng liên quan để ứng cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo quy định như sau:

*** Quy trình chung:**

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại cửa hàng.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

*** Thông báo, báo động:**

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội UPSCTD, cửa hàng trưởng thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCĐ để BCĐ kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh... để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

*** Đánh giá sự cố:** Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

- + Hướng di chuyển của vệt dầu;

- + Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

- + Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

- + Mức độ thông báo/báo động;
- + Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.
- + Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.
- + Thực lực của Đội ứng phó sự cố tràn dầu (UPCSTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;
- + Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

** Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng và Đội trưởng đội UPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó
- Đội trưởng Đội UPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

** Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu... để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa “vùng ô nhiễm” và “vùng sạch”, kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín...

- Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

** Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác UPCSTD về vị trí ban đầu.

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

+ Thu hồi trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.

+ Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.

- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:

+ Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ... (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

+ Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình ứng phó tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn gas số 3.
- Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Vá lớp ô tô Thành Nhân.
- Nguồn 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Garage ô tô Phú Thái.
- Nguồn 04: Nước thải sản xuất là nước mưa chảy tràn qua sân bãi có nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc dầu phía Tây Bắc của Cửa hàng.
- Nguồn 05: Nước thải sản xuất là nước mưa chảy tràn qua sân bãi có nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc dầu phía Đông Nam của Cửa hàng.
- Nguồn 06: Nước thải sản xuất phát sinh ở Garage ô tô Phú Thái.

1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt của 11 CBCNV và 15 khách vãng lai/ngày của Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 sau khi xử lý bằng bể tự hoại 2 ngăn rồi dẫn vào hố ga có kích thước (0,8×0,8×1) m, sau đó thoát ra cống thoát nước dọc tuyến đường Duy Tân.
- Dòng thải số 02 (Bao gồm nguồn 02 và nguồn 05): Nước thải sinh hoạt của 02 CBCNV của Vá lớp ô tô Thành Nhân và nước mưa chảy tràn qua sân bãi có dầu rơi vãi tại khu vực sân bãi phía Đông Nam sau khi xử lý sẽ thải ra cống thoát nước dọc tuyến đường Duy Tân.
- Dòng thải số 03: Nước thải sinh hoạt của 05 CBCNV của Garage ô tô Phú Thái sau khi xử lý bằng bể tự hoại 2 ngăn, sau đó thấm xuống đất khu vực bằng hố thấm có kích thước (1×0,8×1) m.
- Dòng thải số 04: Nước mưa chảy tràn qua sân bãi có dầu rơi vãi phía Tây Bắc sau khi xử lý bằng bể tách dầu 4 ngăn được thu gom và thải ra cống thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt.

- Dòng thải số 05: Nước thải khu vực Garage Phú Thái sau khi xử lý bằng hệ thống các hồ lắng cát, cặn dầu mỡ được thu gom và thải ra cống thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt.

1.2.2. Vị trí xả nước thải

+ Dòng thải số 01: Nước thải thoát ra cống thoát nước tuyến đường Duy Tân. Tọa độ X: 1.858.458 m; Y: 591.321 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Dòng thải số 02: Nước thải thoát ra cống thoát nước tuyến đường Duy Tân. Tọa độ X: 1.858.440 m; Y: 591.328 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Dòng thải số 03: Nước thải thấm xuống đất khu vực. Tọa độ X: 1.858.470 m; Y: 591.250 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Dòng thải số 04: Nước thải thoát ra cống thoát nước tuyến đường Lý Thường Kiệt. Tọa độ X: 1.858.481 m; Y: 591.253 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Dòng thải số 05: Nước thải thoát ra cống thoát nước dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt. Tọa độ X: 1.858.482 m; Y: 591.215 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

1.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất

- Nước thải sinh hoạt: 1,44 m³/ngày.đêm tương đương 0,06 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sản xuất của Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 và Vá lốp ô tô Thành Nhân: 62,5 m³/ngày.đêm \approx 2,6 m³/giờ.

- Garage ô tô Phú Thái: 0,03 m³/ngày.đêm \approx 0,001 m³/giờ.

1.3. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy.

- Nước thải sản xuất: Tự chảy.

1.4. Chế độ xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Xả thải khi có người sử dụng.

- Nước thải sản xuất: Xả thải khi có mưa hoặc khi vệ sinh sân bãi.

1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả và nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
			Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);
- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.
- Nước thải sản xuất:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

*** Ghi chú:**

- QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- *Cột B- Quy định giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi thải vào các nguồn tiếp nhận khác với nguồn nước quy định cho cột A - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.*

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	pH		5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	TSS	mg/l	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Coliform	mg/l	5.000

*** Ghi chú:**

- *QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;*
- *Cột B - Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.*

2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Cửa hàng. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để đánh giá được hiện trạng môi trường trong khu vực của Cơ sở, báo cáo tham khảo báo cáo giám sát môi trường năm 2022 và năm 2023 của Cơ sở do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2022, 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			Năm 2022		Năm 2023		
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	-	7,9	7,3	7,4	7,6	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	16	8,6	24	5,8	120
3	COD	mg/l	37	43	40	29	150
4	Dầu mỡ	mg/l	2,1	2,0	2,1	3,2	30

Ghi chú:

- QCVN 29: 2010/BTNMT (Cột B - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Vị trí lấy mẫu: Tại hố thu gom cuối cùng, trước khi thải ra môi trường của Petrolimex-Cửa hàng 03 và Cửa hàng dầu mỡ nhờn, gas số 3 (phía Tây Bắc).

- Thời gian lấy mẫu:

+ Năm 2022: Đợt 1: Ngày 18/5/2022; Đợt 2: 27/10/2022

+ Năm 2023: Đợt 1: 10/5/2023; Đợt 2: 26/10/2023.

* Nhận xét:

Từ kết quả phân tích ở bảng 5.1 cho thấy, tại thời điểm giám sát năm 2022, 2023 tất cả các thông số chất lượng nước thải được phân tích đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng.

Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
02 Bể lắng tách dầu	30/10/2024	30/01/2025	Tùy vào lượng mưa
01 hệ thống hồ ga lắng lọc			Tùy vào lượng xe ra vào garage

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm.

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh tùy vào lượng mưa, lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi có mưa khoảng 62,5 m³/ngày.đêm đối với 02 bể lắng tách dầu và 0,03 m³/ngày.đêm đối với hệ thống hồ ga lắng lọc.

- Lượng nước thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng và dầu mỡ,... công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được thực hiện bằng hệ thống các bể lắng, lọc, tách dầu mỡ và bể lắng. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cửa hàng có công trình xử lý nước thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở đầu tư sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải. Cụ thể:

- Số lượng quan trắc:

+ 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải phía Tây Bắc của Cửa hàng.

- + 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải phía Đông Nam của Cửa hàng.
- + 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải khu vực Garage Phú Thái.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng: cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và định kỳ.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian từ năm 2020 đến nay cơ sở chưa tiếp nhận các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết xử lý nước thải các loại đảm bảo theo quy định tại cột B của QCVN 29:2010/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu; Cột B của QCVN14:2008/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC;
- Giấy xác nhận công trình ứng phó sự cố tràn dầu;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.